TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH BÌNH D**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 21/2019/QĐST-VDS	*D, ngày 24 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THÀNH NGOÀI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH B

Thành phần giải quyết việc dân sư gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Xuân Tạo.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B mở phiên họp xét công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 20/2019/TLST-VDS ngày 03 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định mở phiên họp số 20/2019/QĐST-VDS ngày 14 tháng 5 năm 2019.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1976; hộ khẩu thường trú: Số 40 đường ĐT744, khu phố 6, thị trấn D, huyện D1, tỉnh B, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Lê Thị L, sinh năm 1999; hộ khẩu thường trú: Số 21, khu phố 6, thị trấn D, huyện D1, tỉnh B, có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu và tại phiên họp người yêu cầu trình bày:

Bà D và chị L có mối quan hệ quen biết. Do chị L cần tiền để làm ăn nên bà D đã cho chị L vay số tiền 69.000.000 đồng (sáu mươi chín triệu đồng) nhưng không làm giấy tờ vì tin tưởng. Đến ngày 10/6/2018, chị L tự viết giấy nợ và ký tên xác nhận nợ, hai bên không thỏa thuận lãi suất, phương thức thanh toán là mỗi tháng thanh toán 3.000.000 đồng. Tuy nhiên kể từ ngày 10/6/2018 đến nay chị L không thực hiện trả nợ như thỏa thuận. Bà D đã nhiều lần yêu cầu chị Lthanh toán nợ nhưng cho đến nay vẫn không thanh toán.

Vì vậy, bà D làm đơn khởi kiện yêu cầu chị L có trách nhiệm thanh toán số tiền 69.000.000 đồng. Quá trình hòa giải tại Trung tâm hòa giải - đối thoại tại Tòa án, các bên đã tự nguyện thỏa thuận và kết quả là hòa giải thành, theo biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Trung tâm hòa giải - đối thoại tại Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Về nghĩa vụ thanh toán: Chị Lê Thị L có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Thị Di số tiền 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị D về việc không tranh chấp số tiền 27.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Phạm Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lê Thị L không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng chị Lê Thị L còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về lệ phí: Bà Phạm Thị D tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 02/5/2019, chị Lê Thị L trình bày: Thống nhất với nội dung mà người yêu cầu đã trình bày và đồng ý trước yêu cầu về việc công nhận nội dung hòa giải thành ngày 02/5/2019 tại Trung tâm hòa giải - đối thoại tại Tòa án.

Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B về việc giải quyết vụ việc:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự kể từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên họp hôm nay; người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật kể từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên họp.

- Về nội dung: Các bên đều thống nhất về thời gian vay, số tiền vay và thời hạn thanh toán. Xét thấy thỏa thuận trong biên bản hòa giải thành ngày 02/5/2019 tại Trung tâm hòa giải - đối thoại tại Tòa án là tự nguyện. Nội dung thỏa thuận không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Vì vậy đề nghị chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu, công nhận kết quả hòa giải thành của các bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào khoản 7 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm s khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu của người yêu cầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

[2] Về nội dụng: Quá trình giải quyết tại Trung tâm hòa giải - đối thoại tại Tòa án các bên thống nhất về việc vay tiền, số tiền vay, số tiền đã thanh toán, số tiền còn nợ lại và đề nghị Tòa án công nhận nội dung mà các bên đã hòa giải thành ngày 02/5/2019. Xét thấy, nội dung các bên thỏa thuận trong biên bản hòa giải thành là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Vì vậy, yêu cầu của người yêu cầu và đề nghị của đại viện Viện kiểm sát về việc công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ Điều 463; 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 7 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm s khoản 2 Điều 39; Điều 367; 369; 370; 416; 417 và 419 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 20/2018/TLST-VDS ngày 03 tháng 5 năm 2019, cụ thể như sau:

Chị Lê Thị L có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Thị D số tiền 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị D về việc không tranh chấp số tiền 27.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Phạm Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lê Thị L không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng chị Lê Thị L còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Điều 2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số: AA/2016/0031473 ngày 02/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh B.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Điều 4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, văn thư.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Xuân Tạo